

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/ 9/2020

V/v: Ly hôn,T/c nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Phương Nga ;  
2. Ông Lê Cát Tường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1985

ĐKKHKT: P, phường P, thành phố T

Nơi ở hiện nay: phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Ngô Chí Đ - Sinh năm 1984( Vắng mặt)

Địa chỉ: P, phường P, thành phố T

Tại phiên Tòa có mặt Chị H vắng mặt anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Ngô Chí Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07 tháng 12 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại P, phường P, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Ngô Chí Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Ngô Thế H2, sinh ngày 12/7/2007 và cháu Ngô Thế V, sinh ngày 04/01/2009. Vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H2 và cháu V, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hai cháu 5.000.000đ/2cháu/tháng ( 2.500.000đồng/cháu/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Ngô Chí Đ trình bày tại bản lời khai :

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của Chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, địa điểm chung sống.

Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất vào tháng 3 năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về tính cách, trong cuộc sống hàng ngày có nhiều lúc chưa thông cảm được với nhau. Nay Chị H làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị ly hôn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng chưa căng thẳng đến mức phải ly hôn. Do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị đoàn tụ tiếp tục cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và Chị H có 02 con chung là cháu Ngô Thế H2, sinh ngày 12/7/2007 và cháu Ngô Thế V, sinh ngày 04/01/2009. Nếu vợ chồng phải ly hôn, anh đề nghị giao cho anh nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người liên quan; thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự thực hiện đúng quy định; chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử .

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn đã được nhận các thông báo hợp lệ của Tòa án đã chấp hành triệu tập của Tòa án, đã có bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, tham gia phiên tòa thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn đã được nhận thông báo hợp lệ của Tòa án đã chấp hành triệu tập của Tòa án, đã có bản tự khai, tuy nhiên không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa để thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt do vậy Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Xét về hôn nhân: Chị H và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07 tháng 12 năm 2006 xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống anh chị hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Đ, phía anh Đ không đồng ý ly hôn. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn của anh chị đã lâu; mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài.

Xét về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Ngô Thế H2, sinh ngày 12/7/2007 và cháu Ngô Thế V, sinh ngày 04/01/2009. Ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con cả hai cháu 5.000.000đ/tháng. Phía anh Đ cũng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do anh chị cung cấp thì anh Đ và Chị H đều lao động tự do, qua tham khảo nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên nếu để một mình Chị H nuôi cả hai cháu thì không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt cho các cháu. Căn cứ vào Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế V, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế H2. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân TP. Thanh Hóa đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của Chị H. Về hôn nhân xử cho chị được ly hôn anh Đ. Về con giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế V, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế H2, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định :

[1]. Về tố tụng: Anh Ngô Chí Đ (bị đơn) đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Chí Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07 tháng 12 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp .

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại P, phường P, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp, anh chị thiếu sự thông cảm với nhau, vợ chồng thường cãi vã lẫn nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Điều này được thể hiện qua lời khai của Chị H, anh Đ và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Nay Chị H làm đơn ly hôn anh Đ không đồng ý vì con còn nhỏ. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của Chị H cho chị được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Anh và chị có 02 con chung là cháu Ngô Thế H2, sinh ngày 12/7/2007 và cháu Ngô Thế V, sinh ngày 04/01/2009.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do anh chị cung cấp, căn cứ vào lời khai của anh Đ và Chị H thì anh Đ và Chị H đều lao động tự do, bản thân anh chị đều muốn được nuôi cả hai con và qua tham khảo nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên nếu để một mình Chị H nuôi cả hai cháu thì không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt cho các cháu. Vì vậy giao cho mỗi người nuôi một cháu là hoàn toàn phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi của các đương sự và con cái. Căn cứ vào Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế V, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế H2. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Chí Đ

2. Về con chung: Anh Đ và Chị H 02 con chung là cháu Ngô Thế H2, sinh ngày 12/7/2007 và cháu Ngô Thế V, sinh ngày 04/01/2009. Ly hôn giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế V, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thế H2. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: A/A/2018/0001316 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Hà đã nộp đủ.

*Ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng Cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph Phú Sơn ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Thị Nguyệt**